

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG NÂNG CAO 1**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung nâng cao 1

2. Mã học phần: TTRUNG 018

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3 (kỳ I)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng Trung căn bản 3

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung nâng cao 1 gồm 8 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động, mua	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
	đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao. - Cấu trúc ngữ pháp: Cách dùng từ 半, 差, 了, 呢, 刚, 刚才; câu so sánh dùng A 跟 B 一样; A 比 B+形+一点儿/一些/得多/多了; câu chữ 把, cấu trúc 又....又...., 动 1+着+(宾 1)+动 2+(宾 2); 越来越+形/心理动词;名+呢; 越 A 越 B; A 对 B 感兴趣; cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn; cách diễn tả số ước lượng, bỏ ngữ thời lượng, bỏ ngữ khả năng.		
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Đọc và nghe hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được và viết đúng từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Học tập, thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao, ẩm thực, vui chơi giải trí.	2	[2.1.2]
CDR1.2	Vận dụng kiến thức về ngữ âm để phát âm chuẩn, chính xác; đọc đúng ngữ điệu.	3	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR1.3	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của các từ sau:半, 差, 了, 呢.	3	[2.1.2]
CDR1.4	Phân biệt được đặc điểm ngữ pháp: “刚” và “刚才”; “又” và “再”; cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn; cách diễn tả số ước lượng.	3	[2.1.2]
CDR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp: Câu so sánh dùng A跟B一样; A比B+形+一点儿/一些/得多/多了; câu chữ把.	3	[2.1.2]
CDR1.6	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp: Bỏ ngữ thời lượng, bỏ ngữ khả năng.	3	[2.1.2]
CDR1.7	Trình bày được đặc điểm và cách dùng của cấu trúc câu:又...又..., 动1+着+(宾1)+动2+(宾2); 越来越+形/心理动词;名+呢; 越A越B; A对B感兴趣.	3	[2.1.2]
CDR1.8	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp cấu trúc câu để nghe, nói, đọc, viết, dịch câu, dịch đoạn hội thoại, bài nói ngắn, trình bày hay thuyết trình các quan điểm cá nhân về các chủ đề giao tiếp trong học phần ở trình độ sơ cấp; hoàn thành bài tập.	3	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CDR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để nghe, đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Nghe hiểu nội dung về các chủ đề: Học tập, thời gian, thời tiết, hoạt động, mua đồ, màu sắc, vị trí, sở thích, học tập, thi cử, giao thông, thể thao, ẩm thực, vui chơi giải trí.	3	[2.2.6]
CDR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề	3	[2.2.6]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
	giao tiếp trong học phần.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一课 她总是笑着跟客人说话	2	3					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
2	第二课 我最近越来越胖了	2	3	3				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
3	第三课 怎么突然找不到了	2	3	3	3		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3
4	第四课 我跟他都认识五年了	2	3	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
5	第五课 你去哪儿我就去哪儿	2	3		3		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3
6	第六课 她的汉语说得跟中国人一样好	2	3			3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
7	第七课 数学比历史难多了	2	3			3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3
8	第八课 别忘了把空调关了	2	3			3			3	3	3	3	3	3	3	3	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[4] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[5] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p style="text-align: center;">第一课</p> <p style="text-align: center;">她总是笑着跟客人说话</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cấu trúc 又 又.... ; 动 1+着+ (宾 1) +动 2+ (宾 2) . - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 又.....又.....</p> <p>(二) 动作的伴随: V1 着 (O1) + V2 着 (O2)</p>	<p style="text-align: center;">3</p> <p style="text-align: center;">(3LT,0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 45 - 50. [3] : Trang 40 - 46. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.7, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	三、练习		yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 26 - 32.	
2	<p>第二课 我最近越来越胖了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ 了, cấu trúc 越来越 + 形容词. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、语法 <ul style="list-style-type: none"> (一) “了” 表示变化 (二) 越来越 + 形容词 三、练习 	6 (6LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 53 - 58. [4] : Trang 1 - 7, 38 - 42. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 33 - 39. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
3	<p>第三课 怎么突然找不到了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. 	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bồ ngữ khả năng, cách dùng 呢, 刚 và 刚才.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</p> <p>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 可能补语: V得不+可能补语</p> <p>(二) “呢” 寻问处所</p> <p>(三) “刚” 和 “刚才”</p> <p>三、练习</p>		<p>cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 62 - 68. [5] : Trang 61 - 70.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>+ Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc.</p> <p>+ Suy nghĩ, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 40 - 46.</p>	<p>CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>
4	<p style="text-align: center;">第四课</p> <p style="text-align: center;">我跟他都认识五年了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bồ ngữ thời lượng, cấu trúc A 对 B 感兴趣, từ chỉ thời gian 半 và 刻.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu,</p>	<p style="text-align: center;">3 (3LT,0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Phân cặp đôi đóng vai nhân</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.6, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 时段的表达 (二) 表达兴趣 (三) 用“半”“刻”“差”表示时间 三、练习		vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 71 - 77. [3] : Trang 208 - 215. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2] : Trang 47 - 53.	
5	第五课 你去哪儿我就去哪儿 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: “又” và “再” ; cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) “又”和“再” (二) 疑问代词活用 1	6 (4LT,2KT)	Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 80 - 86. [3] : Trang 144 - 152. [5] : Trang 110 - 115. + Lắng nghe hướng dẫn của	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	三、练习 Kiểm tra giữa học phần		giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 54 - 60. + Làm bài kiểm tra giữa kỳ.	
6	第六课 她的汉语说得跟中国人一样好 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cấu trúc 越 A 越 B; câu so sánh A 跟 B 一样. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 越 A 越 B (二) 比较句 1: A 跟 B 一样+ (形)	3 (3LT,0TH)	Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 88 - 93. [4] : Trang 22 - 27. [5] : Trang 1 - 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2]:	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			Trang 61 - 67.	
7	<p style="text-align: center;">第七课 数学比历史难多了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu so sánh 比, cách diễn tả số ước lượng 1. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）A比B +形+一点儿/一些/得多/多了</p> <p>（二）数词的表达1</p> <p>三、练习</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 97 - 112. [4] : Trang 1 - 10. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 68 - 74. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
8	<p style="text-align: center;">第八课 别忘了把空调关了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 把, cách 	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>diễn tả số ước lượng 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）“把”字句1</p> <p>（二）概数的表达 2: 左右</p> <p>三、练习</p>		<ul style="list-style-type: none"> + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 114 - 120. [5] : Trang 15 - 22. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu theo yêu cầu của giảng viên. + Đóng vai thực hiện nội dung bài đọc. + Suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [2] : Trang 75 - 81. 	<p>CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa